

7. VĂN HỌC (Literature)

*Mã ngành: 7229030

*Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 (Không tính học phần: GDQP - AN 08 tín chỉ, GDTC 03 tín chỉ), trong đó:

- | | |
|--|-------------------|
| - Khởi kiến thức đại cương: | 22 tín chỉ |
| - Khởi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | 63 tín chỉ |
| + Khởi kiến thức của nhóm ngành: | 08 tín chỉ |
| + Khởi kiến thức chuyên ngành: | 55 tín chỉ |
| Bắt buộc: | 45 tín chỉ |
| Tự chọn: | 10 tín chỉ |
| - Khởi kiến thức nghiệp vụ sư phạm: | 38 tín chỉ |
| Bắt buộc: | 26 tín chỉ |
| Tự chọn: | 12 tín chỉ |
| - Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: | 07 tín chỉ |

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập	Seminar, thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Khối kiến thức đại cương		22					
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	03	32		26		90
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	02	21		18		60
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	02	21		18		60
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	02	21		18		60
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	02	21		18		60
6	Tiếng Anh A2 1	A2101.1	03	30	30			90
7	Tiếng Anh A2 2	A2102.1	02	15	30			60
8	Tiếng Anh A2 3	A2103.1	02	15	30			60
9	Tin học	TH101	02	15			30	45
10	Giáo dục thể chất 1	TC101	01				30	15
11	Giáo dục thể chất 2	TC102	01				30	15
12	Giáo dục thể chất 3	TC103	01				30	15
13	Pháp luật đại cương	PL101	02	15		30		45
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		63					
II.1	Khối kiến thức của nhóm ngành		08					
14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	VH201	02	15	15	15		45
15	Mĩ học đại cương	VH833	02	15	15	15		45
16	Văn bản Hán Nôm	VH802	02	15	15	15		45
17	Cơ sở ngôn ngữ học	VH302	02	15	15	15		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
II.2	Khối kiến thức chuyên ngành		55					
Bắt buộc			45					
18	Văn học dân gian Việt Nam	VH403	02	15	15	15		45
19	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII	VH404	02	15	15	15		45
20	Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX	VH405	02	15	15	15		45
21	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945	VH406	02	15	15	15		45
22	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	VH803	02	15	15	15		45
23	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	VH804	02	15	15	15		45
24	Văn học Ấn độ - Nhật Bản - Đông Nam Á	VH410	02	15	15	15		45
25	Văn học Nga	VH408	02	15	15	15		45
26	Văn học Trung Quốc	VH411	02	15	15	15		45
27	Văn học phương Tây, Mỹ La tinh	VH409	03	30	15	15		75
28	Bản chất và đặc trưng văn học	VH805	02	15	15	15		45
29	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	VH418	03	30	15	15		75
30	Tiến trình văn học	VH419	02	15	15	15		45
31	Ngữ âm tiếng Việt	VH412	02	15	15	15		45
32	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	VH413	02	15	15	15		45
33	Ngữ pháp tiếng Việt	VH414	02	15	15	15		45
34	Phong cách học tiếng Việt	VH415	02	15	15	15		45
35	Ngữ dụng học	VH416	02	15	15	15		45
36	Tiếng Việt thực hành	VH102	02	15	15	15		45
37	Tiếng Anh chuyên ngành		03	30	15	15		75
38	Văn học so sánh	VH420	02	15	15	15		45
Tự chọn: (chọn các học phần thuộc 5 tự chọn sau)			10					
	Tự chọn 1: Những vấn đề chung (chọn 1 trong 4 học phần)		02					
39	Tâm lí học sáng tạo nghệ thuật	VH443	02	15	15	15		45
40	Văn học Minh - Thanh	VH841	02	15	15	15		45
41	Thể loại truyền kì trong văn học Việt Nam trung đại	VH502	02	15	15	15		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
42	Đóng góp của Thơ mới 1932 - 1945 đối với lịch sử thơ ca Việt Nam	VII508	02	15	15	15		45
	Tự chọn 2: Chuyên đề Văn học Việt Nam (chọn 1 trong 4 học phần)		02					
43	Thi pháp văn học dân gian	VH421	02	15	15	15		45
44	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	VH422	02	15	15	15		45
45	Thi pháp văn học Việt Nam hiện đại	VH423	02	15	15	15		45
46	Văn học Việt Nam đương đại	VH424	02	15	15	15		45
	Tự chọn 3: Chuyên đề Ngôn ngữ (chọn 1 trong 4 học phần)		02					
47	Ngữ nghĩa học từ vựng	VH425	02	15	15	15		45
48	Liên kết và mạch lạc trong văn bản	VH426	02	15	15	15		45
49	Các bình diện ngữ nghĩa của câu và vấn đề dụng học	VH427	02	15	15	15		45
50	Phân tích diễn ngôn	VH449	02	15	15	15		45
	Tự chọn 4: Chuyên đề Lý luận văn học (chọn 1 trong 4 học phần)		02					
51	Thơ và một số quan niệm về thơ Việt Nam hiện đại	VH429	02	15	15	15		45
52	Lý luận thể loại tiểu thuyết thế kỉ XX	VH430	02	15	15	15		45
53	Tiếp cận tác phẩm văn học từ các phạm trù thẩm mĩ	NV216	02	15	15	15		45
54	Lý luận văn học 1945 - 1975	VH432	02	15	15	15		45
	Tự chọn 5: Chuyên đề văn học nước ngoài (chọn 1 trong 4 học phần)		02					
55	Thi pháp thơ Đường	VH433	02	15	15	15		45
56	Thi pháp truyện ngắn A. Sê - khốp	VH834	02	15	15	15		45
57	Nghệ thuật truyện ngắn E. Hemingway	VH835	02	15	15	15		45
58	Tiểu thuyết Nhật Bản	VH436	02	15	15	15		45
III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (chọn 1 trong 2 hướng)		38					
	Hướng lựa chọn 1: Nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học							

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Bắt buộc			26					
59	Phương pháp luận nghiên cứu văn học	VH441	02	15	15	15		45
60	Văn học dịch và nghiên cứu văn học dịch ở Việt Nam	VH444	02	15	15	15		45
61	Văn học hậu hiện đại	VH445	02	15	15	15		45
62	Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ ngôn ngữ	VH428	02	15	15	15		45
63	Phê bình văn học và ứng dụng lý thuyết phê bình văn học vào nghiên cứu, giảng dạy	VH456	02	15	15	15		45
64	Văn học Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa	VH446	02	15	15	15		45
65	Tiếp cận văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hóa	VH457	02	15	15	15		45
66	Thực hành 1	VII458	03					
67	Thực hành 2	VH459	02					
68	Thực tập 1	VH608	03					
69	Thực tập 2	VII609	04					
Tự chọn: (chọn 6 trong 10 học phần)			12					
70	'Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt	VH460	02	15	15	15	15	45
71	Thi pháp Truyện Kiều	VH503	02	15	15	15	15	45
72	Truyện ngắn Việt Nam 1930 - 1945	VH507	02	15	15	15	15	45
73	Kí Việt Nam hiện đại	VH511	02	15	15	15	15	45
74	Tiểu thuyết Trung Quốc hiện đại	VH845	02	15	15	15	15	45
75	Kịch cổ điển Pháp thế kỉ XII	VH518	02	15	15	15	15	45
76	Thi pháp truyện	VH502	02	15	15	15	15	45
77	Thi pháp thơ	VH521	02	15	15	15	15	45
78	Câu trong văn xuôi Việt Nam hiện đại	VH527	02	15	15	15	15	45
79	Thành ngữ và việc vận dụng thành ngữ trong văn bản nghệ thuật	VH528	02	15	15	15	15	45
	Hướng lựa chọn 2: Báo chí, truyền thông và xuất bản							
Bắt buộc			26					
80	Nghiệp vụ báo chí	VH450	02	15	15	15		45
81	Nghiệp vụ truyền thông	VN307	02	15	15	15		45
82	Nghiệp vụ xuất bản	VH448	02	15	15	15		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
83	Ngôn ngữ truyền thông và tiếp thị	VH461	02	15	15	15		45
84	Văn bản báo chí	VH462	02	15	15	15		45
85	Tâm lý học báo chí - truyền thông	VH463	02	15	15	15		45
86	Các loại hình báo chí hiện đại	VH464	02	15	15	15		45
87	Thực hành 1	VH845	03					
88	Thực hành 2	VH846	02					
89	Thực tập 1	VH849	03					
90	Thực tập 2	VH850	04					
Tự chọn: (chọn 6 trong 10 học phần)			12					
91	Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	VH465	02	15	15	15		45
92	Kỹ năng biên tập báo chí	VH466	02	15	15	15		45
93	Kỹ năng biên tập sách	VH467	02	15	15	15		45
94	Kỹ năng tổ chức bàn thảo	VH468	02	15	15	15		45
95	Kỹ năng viết quảng cáo	VH469	02	15	15	15		45
96	Kỹ năng phỏng vấn báo chí	VII470	02	15	15	15		45
97	Kỹ năng điều tra xã hội học	VH471	02	15	15	15		45
98	Kỹ năng viết tin, bài	VII472	02	15	15	15		45
99	Kỹ năng tổ chức sự kiện	VII473	02	15	15	15		45
100	Kỹ năng thuyết trình	VII602	02	15	15	15		45
IV	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		07					
	1. Khóa luận tốt nghiệp		07					
	2. Học phần thay thế KLTN:		07					
	2.1. Hướng lựa chọn 1: Phần bắt buộc (chọn 1 trong 2 học phần):							
101	Văn học và các loại hình nghệ thuật	VH837	04	30	15	15		75
102	Những vấn đề cơ bản và hiện đại của lý luận văn học	VH838	04	30	15	15		75
	Phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần):							
103	Ngôn ngữ với văn chương	VH839	03	30	15	15		60
104	Tiếp cận tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại từ đặc trưng thể loại	VH844	03	30	15	15		60
	2.2. Hướng lựa chọn 2:							
	Phần bắt buộc (chọn 1 trong 2 học phần):							

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
105	Truyền thông Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	VH845	04	30	15	15		75
106	Báo chí trong thời đại toàn cầu hóa	VH846	04	30	15	15		75
	Phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần):							
107	Xuất bản và xu hướng xuất bản hiện đại	VH847	03	30	15	15		60
108	Tác phẩm và thể loại truyền thông	VH848	03	30	15	15		60
	Tổng cộng		130					